

CÁC CHUYẾN ĐI CÔNG TÁC NƯỚC NGOÀI

1. 3/12/1962 - Đi Liên Xô: ở đến 7/1965 (đi về tàu hoả qua Bắc Kinh, hè 1963 – Xôchi. Đầu năm 1964: Stalingrat (NCS).
2. 3/12/1968: đi Liên Xô - 20/1/1969: Matxcova, Kiev (trao đổi tương tương).
3. 7/8/1976: Đi Ba Lan - 23/1/1977: Tàu hoả qua Mông Cổ.
4. Vacsava Balan-Hanoi đi máy bay qua Kôet, Bombay, Viên Chăn (Đi NC).
5. 5/1977: Đi Pháp: Paris, Orsay, Grenoble, Toulouse, Pirenees.
6. 7/1977: Đi CHDC Đức: Berlin, Ba Lan.
7. 10/1978: Hung, Tiệp (Carlory Vary).
8. 7/1979: CHDC Đức (Berlin, Postdam), Tiệp (Praha, Carlory Vary, Brno, Bratislava).
9. 8/1979: Áo (dự Hội nghị Khoa học, Liên hiệp Quốc).
10. 10/1979: Liên Xô, Matxcova, Talin, (họp VHL).
11. 6/1980: Tiệp: Praha, Brno.
12. 12/1980: Liên Xô (Matxcova, Môngdavi, Novosibirk), Đoàn nhà nước khảo sát khoa học.
13. 9/1981: Liên Xô: Kiev, Leningrad (Hội nghị Dao động phi tuyến).
14. 10/1981: Mỹ: qua Băngcôc, Manila (Philippine), Tokyo, San- Francisco, Log Angeles, NewYork, Chicago, Prinston, Massachuset; về qua Paris.
15. 11/1981: Tiệp (Họp VHL).
16. 5/1982: Liên Xô: Funze Kirgizi, Hungari (Budapest, Balaton, Miskol).
17. 10/1982: Liên Xô, Đức (Frankfurt), Ba Lan, Liên Xô (HN. Khoa học về dao động ngẫu nhiên).
18. 12/1982: Liên Xô: Matxcova (Kỷ niệm 60 năm Liên bang).
19. 4/1983: Pháp: Paris, Toulouse, Lyon, Grenoble (Ký hiệp định hợp tác).
20. 5/1983: Ba Lan, Liên Xô (Họp chế tạo TBKH).
21. 10/1983: 3/9/1983 -> 10/10/1983: Liên Xô - Ba Lan - CHDC Đức – Tiệp

- Khắc - CHDC Đức - Liên Xô - Hungari - Liên Xô. Hội nghị ở Tiệp và hội nghị VHL (Hung) về Động lực học máy.
22. 12/1/1984 - 25/1/1984: Liên Xô - Tiệp Khắc- Liên Xô (Hội nghị Tổng thư ký viện HLKH).
 23. 19/4/1984 - 3/5/1984: Liên Xô - Ba Lan (22/4 - 27/4 họp hợp tác Cơ học).
 24. 6/9/1984 - 2/10/1984: Đi Bungarie (ICNO- X- Varna), Liên Xô - Bungari - Hungari - Tiệp Khắc- Ba Lan - Liên Xô.
 25. 25/5/1985 - 26/6/1985, đi Minsk (26/5 - 4/6/1985), Ba Lan (5/6 - 12/6): Warszawa, Zakopane, Krakow, Liên Xô (12/6 - 26/6);
 26. 16 - 20/6/1985, Leningrat.
 27. 19/9/1985 - 5/10/1985: Hợp hội nghị đại biểu các Viện Hàn lâm ở Varczawa (qua Liên Xô).
 28. 25/3/1986 - 24/4/1986: Hợp UB hợp tác VKHVN - Viện HLKHLX, Hội nghị bất thường Tổng thư ký các Viện Hàn lâm bàn việc tham gia chương trình trọng điểm SEV và chuẩn bị Hội nghị các Chủ tịch VHL 1/7/1986 tại CHDC Đức; 10/4/1986 - 18/4/1986 thăm Bungari, dự Xemina của Anchev. Đến Varna 16/4/ - 17/4/1986.
 29. 24/5 - 31/5/86 Matxcova: Đại hội II các nhà khoa học toàn Liên bang chống chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình.
 30. 9/7 - 5/7/1986: Matxcova, Hội nghị các nhà khoa học quốc tế đòi ngừng thử vũ khí hạt nhân.
 31. 11/10 - 21/10/1986: Đan Mạch, Copenhagen, Đại hội hoà bình.
 32. 31/12/1986 - 16/1/1987: Ấn Độ, Bangalore, New Delhi, Calcuta.
 33. 27/6/1987 - 18/7/1987: Tiệp Khắc: Praha, Bratislava, 10 - 17: Liên Xô: Ucraina, Kiev 12 -14/7
 34. 11/8 - 8/9/1987: 12, 13/8 - Liên Xô, 14 - 25/8: Hung; Tối 25/8 đi Đức: đến nơi 8h tối.
 35. 26/8 - 31/8: Đức Karl - Marx - Stad; Tối 31/8 đi Ba Lan: 1- 9 -> 4/9: Ba Lan: 3/9 đi Liên Xô, 7/9: về nước.
 36. 20/10/1987 - 22/10/1987: đi Cu Ba, Hội nghị các Tổng thư ký VHL.
 37. Đi trao đổi KH ở CHLB Đức 5/11 - 20/11: các thành phố: Brauschweig, Clausthall - Zellerfeld, Gottingen, Aachen, Darmstadt, Karlsruhe, Bochum, Bonn.
 38. 30/1/1988 - 6/2/1988: Liên Xô, Matxcova - Dự Đại hội HTO.
 39. 13/2/1988 - 23/2/1988: Liên Xô, Matxcova họp Hội nghị tổng TK các Viện Hàn lâm; 17/2 - Tết Nguyên đán.

40. 21/5/88 - 31/5/88: Hợp Hội nghị chế tạo thiết bị khoa học, Hungarie.
41. 18/6/1988 - 9/7/1988: Hội nghị Tổng thư ký VHL ở Xôphia, Bungarie; Thăm Anbanie (25/6 - 3/7/1988), 6/7 về Matxcova, 8/7 rời Matxcova về nước.
42. 23/8/1988 - 3/9/1988: Ký kết biên bản trao đổi thiết bị khoa học với Frolov; Hợp ban biên tập Tạp chí Ycnexu Mexan Huku tại Ba Lan.
43. 12/11/1988 - 3/12/1988: Dự kỷ niệm 50 Viện Máy, LX. Đi Pháp (Qua - Ba Lan): 21/11 - 28/11: Paris-Lyon-Nancy; Khi về qua Minsk 1 ngày 30/11/1988.
44. 13/4/1989 - 1/5/1989: Hợp hợp tác về Cơ học tại CHDC Đức (Holzhau), thăm Hungari (20-23/4), thăm Viện Toán Kiev (24/28/4); 1/5/1989 rời Matxcova về nước.
45. 3/7/1989 - 2/8/1989 qua Liên Xô, Ba Lan, Hungari 12 - 14/7/1989.
46. Udine (Ý): 15/7 - 23/7/1989: Xemina, Mechanics of Impact Energy Absortion.
47. 3/10/1989 - 14/10/1989: Thăm Viện Vật lý kỹ thuật Kiev (6-10/10/1989).
48. 31/10/1989 - 27/11/1989: Dự Đại Hội đồng UNESCO tại Paris (2/11 - 17/11), thăm Nancy; Qua Ba Lan (19/11 - 23/11).
49. 25/5/1990 - 23/6/1990: Liên Xô và Phần Lan (4/6 - 17/6)
50. Phần Lan: Espoo, Oulu, Tampere, Laperantta.
51. 24/7/1990 - 10/8/1990 Liên Xô và Nhật Bản (27/7 - 8/8), Kyoto, Kobe, Tokyo.
52. 24/8/1990 - 6/12/1990: Ba Lan (27 - 30/8/1990 ký kế hoạch hợp tác 5 năm).
53. Tây Đức 31/8/1990 - 28/11/1990. Về qua Tiệp Khắc, Ba Lan, Liên Xô (1/12 - 5/12/1990).
54. 30/3/1991 - 16/4/1991: 1/4 - 5/4/1991: Dự GAMM tại Cracôp, 5/4 - 7/4 làm việc tại Vacsava, 8/4 - 10/4: Matxcova, 11/4 và 12/4: Kiev, 15/4/1991: gặp Frôlôv.
55. 22 - 27/8/1991: Dự International Colloquium về PTVF tại Budapest, Sau đó sang Vacsava dự Hội nghị - Ba Lan - Đức về Cơ học.
56. 25/9 - 30/9/1991: Paris, làm việc với CNRS, đi Nancy.
57. 1/10-15/10/1991: Hà Lan, Delft. 15/10 - 22/10/1991: Nancy.
58. Trở về Paris rồi đi Matxcova - về Hà Nội: 7/11/1991.
59. 16/4-1/5/1992: Matxcova, Kiev trao đổi ý kiến về hợp tác.
60. 18/7 - 17/9/1992: Dự Hội nghị khoa học, sinh nhật Frôlôv.

61. 11/9 - 17/9/1992: Dự 42nd Pugwash Conference on Science and World Affairs - tại Berlin, Đức.
62. 30/4/1993 - 20/5/1993: Dự Hội nghị về động lực học máy tại Leningrad.
63. 1/6 - 22/6/1993: Dự Hội nghị 43nd Pugwash Conference tại Thụy Điển (1 tuần). Trước và sau đó ở Matxcơva.
64. 18/10 - 17/11/1993: Hợp Đại hội đồng UNESCO (đến Paris 23/10/1993, rời Paris 13/11/1993), qua đường Matxcơva.
65. Cuối 8/1994: Đi Úc, Hội nghị hợp tác các trường Đại học khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: 10 ngày.
66. 10/1994: Indônêxia 1 tuần: họp Uỷ ban tư vấn cho UNESCO.
67. 15/5 - 22/5/1995: Đi Đức theo lời mời của DAAD: Thăm Đại học Bonn, Bremen, thăm Hamburg - Berlin.
68. 24/5 - 1/6/1995: Thăm Myanmar, Bagan, Mandalay, Yangoon.
69. Thái Lan: Hội nghị thành lập Hiệp hội các trường Đại học Châu Á - Thái Bình Dương 24/7/1995 - 29/7/1995.
70. Úc: Brisbane: Hội nghị do IDP (Úc) tổ chức: 1/10/1995 - 9/10/1995.
71. Trung Quốc: 22/1/1996 - 29/1/1996: Quảng Tây, Bắc Kinh, Thiên Tân.
72. Malaysia, Kuala Lumpur: 25/2/1996 - 29/2/1996.
73. Hàn Quốc: 27/5 - 2/6/1996 (theo lời mời của Press Center).
74. Úc: 7/7 - 20/7/1996: Canberra, Melbourne.
75. Hồng Kông: 13 - 15/10/1996, 100 năm Công ty Schmitdt, thăm Chinese University of Hongkong.
76. Indônêxia: 13/11 - 16/11/1996: Hội nghị AUN: Asean Universities Network (Yogjakarta).
77. Mỹ 7/12 - 21/12/1996: NewYork, Boston, Philladelphie, Washington D.C, Indiana Polis, Los-Angeles, (Berkley, Stanford).
78. Anh: 15/2 - 22/2/1997: London, Nottingham.
79. Nhật (8 - 13/4/1997) và Macau (13 - 16/4/1997): Hội nghị Board members AUAP.
80. Pháp Paris (5/6 - 11/6/1997): Dự lễ kỉ niệm trường Sorbone.
81. New Zealand: 17/8/1997 - 24/8/1997, thăm Đại học.
82. Thái Lan: 26/11/1997 - 28/11/1997:
83. Paris - Hội nghị AUPEL- UREF: 13/5 - 18/5/1998
84. Trung Quốc: Bắc Kinh, Thượng Hải: 1/5 - 11/5/1998 (tàu hoả).
85. Matxcơva : 27/9/1998 - 4/10/1998.
86. Paris - Hội nghị AUPEL-UREF: thăm Matxcơva 2 ngày 28,29/9/1998.

87. Quảng Châu - Quý Châu - Thẩm Quyến: 23/10/1998 - 27/10/1998: Hội nghị AUAP.
88. Brunei: Hội nghị ASHAIHL: 11/11/1998 - 17/11/1998 qua Malaysia.
89. Thái Lan, Bangkok : 16/12/1998 -18/12/1998.
90. Đài Loan: 17/1/1999 - 25/1/1999: Đài Bắc, Đài Trung.
91. Hàn Quốc: Chungnam University-Seoul họp AUAP: 20/4/1999 - 27/4/1999.
92. 1/8 - 12/8/1999: Dự Hội nghị chống bom nguyên tử Hirôshima, thăm Tokushima.
93. Canada: 24/8/1999 - Hội khối Đại học pháp ngữ.
94. 31/8 - 1/9/1999: Matxcova .
95. 22/11 - 27/11/1999: Dự hội nghị AUAP Philippine.
96. 6/1/2000: thăm Lào, ĐHQG Lào.
97. 11/4/2000 - 18/4/2000: Đoàn Hoà bình Việt Nam thăm Trung Quốc: Bắc Kinh, Quảng Châu.
98. 24/6/2000 - 2/7/2000: Trao đổi khoa học với Bỉ, ĐH Liege.
99. 15/10/2000 - 28/10/2000: Ấn Độ, Hội thảo AUN và ấn Độ.
100. Teheran: TWAS - Hội nghị lần thứ 12.
101. 3/11 - 6/11/2000: Bắc Kinh, Hội nghị hiệu trưởng bốn trường Đại học Đông Á: Bắc Kinh, Tokyo, Seoul, Hà Nội.
102. 25/3 -28/3/2001: Bangkok dự lễ kỷ niệm của Chulalongkorn.
103. 16/8 - 29/8/2001: Matxcova , Kiev dự đại hội Toán học quốc tế.
104. Đài Loan: 24/9/2001 - 30/9/2001 theo lời mời của hội thư pháp Đài Loan.
105. 22/7 – 28/7/2002: Matxcova, Dự Hội nghị khoa học, sinh nhật Viện sĩ Frolov.
106. 3/8 - 25/8/2002: Seoul, làm việc tại Quỹ Hàn Quốc KFAS, Hàn Quốc.
107. 9/8/2002 - 18/8/2002: La-Jolla, California, Mỹ, dự hội nghị Pugwash thứ 52.
108. 4/10/2004 - 7/10/2004: Seoul Hàn Quốc, Hội nghị Pugwash.
109. 13/11/2004 - 17/11/2004: Kyoto Nhật, STS Forum.
110. 1/4/2005 - 17/4/2005: thăm Mỹ, Đoàn Hội đồng khoa học tự nhiên, Washington D.C., Đại học North Carolina, ĐH Maryland, Houston, (bang Texas) NASA, San Francisco, ĐH Berkeley, Standford.
111. 19/12/2005 - 23/12/2005: thăm Hàn Quốc, Đoàn Hội đồng Khoa học tự nhiên ĐHQG Seoul, KIST. KAST, ĐH AJOU.
112. 10/11/2006 - 15/11/2006: Tham dự Hội nghị Pugwash 56 tại Cairo (Ai Cập).